

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA HLEO

(Kèm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Bảng số 1: Giá đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Xã Ea H'leo	23.000	21.000	19.000
2	Xã Ea Sol	24.000	22.000	20.000
3	Xã Ea Răl	25.000	23.000	
4	Xã Ea Wy	28.000	25.000	22.000
5	Xã Cư A Mung	25.000	23.000	
6	Xã Cư Mốt	26.000	24.000	22.000
7	Xã Ea Hiao	23.000	21.000	18.000
8	Xã Ea Khăl	23.000	20.000	17.000
9	Xã Dliê Yang	25.000	23.000	21.000
10	Xã Ea Tir	21.000	18.000	16.000
11	Xã Ea Nam	23.000	21.000	

Đối với đất trồng lúa 01 vụ, giá đất tính bằng 70% giá đất lúa 02 vụ trở lên theo từng vị trí của từng xã, thị trấn

1. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Buôn Treng (Suối Ea H'Leo)
- Vị trí 2: Cánh đồng lúa suối Ea Hook sau lưng buôn Săm A, Săm B
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Ea Sol

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Wing, buôn Chăm Hoai
- Vị trí 2: Buôn M'nút, buôn Bek, buôn Ta ly, buôn Chứ, thôn Ea Yu và thôn 2
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Buôn Ariêng
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Ea Wy

- Vị trí 1: Thôn 1A, thôn 1B, thôn 2B, thôn 3A, thôn 3B, thôn 4A, thôn 4B, thôn 5A, thôn 5B
- Vị trí 2: Thôn 2B nằm giáp khu vực Công ty cao su (Sinh Tú, Sinh Heo)
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5. Xã Cư A Mung

- Vị trí 1: Hạ lưu đập Hà Dung
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Cư Mốt

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5
- Vị trí 2: Thôn 6a, thôn 6b, thôn 7, thôn 8
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Ea Hiao

- Vị trí 1: Thôn 7A, thôn 7C
- Vị trí 2: Thôn 10 (Khu vực Hồ Lâm)
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

8. Xã Ea Khăl

- Vị trí 1: Thôn 5
- Vị trí 2: Thôn 9 và thôn 12
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

9. Xã Dliê Yang

- Vị trí 1: Buôn Draì
- Vị trí 2: Thôn 2, thôn 3 khu vực xã giáp với xã Ea Sol
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

10. Xã Ea Tìr

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Thôn 4
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Nam

- Vị trí 1: Thôn 8 (Công ty TNHH MTV LN Thuận Mẫn)
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

Bảng số 2: Giá đất trồng cây hàng năm khácĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Ea Đrăng	30.000	28.000	26.000
2	Xã Ea H'leo	25.000	23.000	21.000
3	Xã Ea Sol	23.000	21.000	19.000
4	Xã Ea Răl	27.000	25.000	23.000
5	Xã Ea Wy	23.000	21.000	19.000
6	Xã Cư A Mung	23.000	21.000	19.000
7	Xã Cư Mốt	23.000	21.000	19.000
8	Xã Ea Hiao	23.000	21.000	19.000
9	Xã Ea Khăl	27.000	25.000	23.000
10	Xã Dliê Yang	27.000	25.000	23.000
11	Xã Ea Tir	20.000	18.000	16.000
12	Xã Ea Nam	27.000	25.000	23.000

1. Thị trấn Ea Đrăng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, Tổ dân phố 2, Tổ dân phố 6, Tổ dân phố 7, Tổ dân phố 8, Tổ dân phố 9, Tổ dân phố 10, Tổ dân phố 11, Tổ dân phố 12, Tổ dân phố 14, buôn Lê B

- Vị trí 2: Tổ dân phố 3, Tổ dân phố 5, Tổ dân phố 13, buôn Bléch, buôn Lê Đá

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 2a, thôn 2b, thôn 3, thôn 4, thôn 5, buôn Treng, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Dang

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Sol

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, Buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wing, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Điết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Buôn Hoai, buôn Chăm, buôn Bek, buôn K'ry

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, Thôn 5, buôn A Riêng, buôn A Riêng B

- Vị trí 2: Buôn Túng Kuh, buôn Túng xê, buôn Túng Thăng; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5. Xã Ea Wy

- Vị trí 1: Thôn 1b, thôn 3a, thôn 3b, thôn 5a, thôn 6a, thôn 6b, thôn 6c, thôn 7a, thôn 7b, thôn 8a, thôn 8b và thôn 11
- Vị trí 2: Thôn 1a, thôn 2a, thôn 2b, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5b
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

6. Xã Cư A Mung

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa
- Vị trí 2: Thôn 10b
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Cư Mốt

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6a, thôn 6b, thôn 7
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

8. Xã Ea Hiao

- Vị trí 1: Thôn 1, 2, 3, 4a, 4b, 5a, 6, buôn K'ra, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Thôn 7a, 7b, 11, 5b, 5c, buôn K'rái, buôn Bir
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Khăl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 12
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Yang

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Thôn 1, buôn Gha, buôn Tir, buôn Sek, buôn Tri A
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tір

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Thôn 4, thôn Bình Sơn
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Nam

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, Buôn Kdruh, buôn Kdruh A
- Vị trí 2: Thôn 5, thôn 6, buôn Riêng A, buôn Riêng B, buôn Riêng C
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 3: Giá đất trồng cây lâu nămĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Ea Đrăng	44.000	41.000	38.000
2	Xã Ea H'leo	34.000	31.000	28.000
3	Xã Ea Sol	34.000	31.000	28.000
4	Xã Ea Răl	34.000	31.000	28.000
5	Xã Ea Wý	34.000	31.000	28.000
6	Xã Cư A Mung	34.000	31.000	28.000
7	Xã Cư Mốt	33.000	30.000	27.000
8	Xã Ea Hiao	34.000	31.000	28.000
9	Xã Ea Khăl	34.000	31.000	28.000
10	Xã Dliê Yang	34.000	31.000	28.000
11	Xã Ea Tìr	28.000	26.000	24.000
12	Xã Ea Nam	34.000	31.000	28.000

1. Thị trấn Ea Đrăng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 6, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, tổ dân phố 9, tổ dân phố 10, tổ dân phố 11, tổ dân phố 12, tổ dân phố 14, buôn Lê B, đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 2: Tổ dân phố 3, tổ dân phố 4, tổ dân phố 5, tổ dân phố 13, buôn Blếch, buôn Lê Đá

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Thôn 2a, thôn 2b, thôn 3, thôn 4, thôn 5, buôn Treng, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Dang, đất các doanh nghiệp thuê trồng rừng kinh tế bằng cây cao su

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Sol

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wìng, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Điết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Buôn Hoai, buôn Chăm, buôn Bek, buôn K'ry, đất các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su trên địa bàn xã

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, buôn A Riêng, buôn A Riêng B

- Vị trí 2: Buôn Túng Kuh, buôn Túng xê, buôn Túng Thăng, đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

5. Xã Ea Wy

- Vị trí 1: Thôn 1a, thôn 1b, thôn 2a, thôn 2b, thôn 3a, thôn 3b, thôn 5a, thôn 6a, thôn 6b, thôn 6c, thôn 7a, thôn 7b, thôn 8a, thôn 8b và thôn 11
- Vị trí 2: Thôn 4a, thôn 4b, thôn 5b, đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

6. Xã Cư A Mung

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa
- Vị trí 2: Thôn 10b; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

7. Xã Cư Mốt

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 5, thôn 6a, thôn 6b, thôn 7
- Vị trí 2: Thôn 1, thôn 2, thôn 8, thôn 9, thôn 10, thôn 11; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

8. Xã Ea Hiao

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5a, thôn 6, buôn K'ra, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Thôn 7a, thôn 7b, thôn 11, thôn 5b, thôn 5c, buôn K'rái, buôn Bir; đất các doanh nghiệp thuê đất trồng cao su trên địa bàn xã
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Khăl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A
- Vị trí 2: Thôn 3, thôn 5, thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9, thôn 10; đất cho Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Yang

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Thôn 1, buôn Gha, buôn Tir, buôn Sek, buôn Tri A; đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tір

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Thôn 4, thôn Bình Minh, thôn Bình Sơn, đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê
- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Nam

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, Buôn Kdruh, buôn Kdruh A

- Vị trí 2: Thôn 5, thôn 6, buôn Riêng A, buôn Riêng B, buôn Riêng C;
đất Công ty cao su Ea H'Leo thuê

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

Bảng số 4: Giá đất rừng sản xuất

ĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Thị trấn Ea Đrăng	15.000		
2	Xã Ea H'leo	13.000	11.000	10.000
3	Xã Ea Sol	11.000		
4	Xã Ea Răl	13.000	11.000	
5	Xã Ea Wy	11.000		
6	Xã Cư A Mung	11.000		
7	Xã Cư Mốt	11.000		
8	Xã Ea Hiao	13.000		
9	Xã Ea Khăl	13.000	11.000	
10	Xã Dliê Yang	13.000		
11	Xã Ea Tir	11.000		
12	Xã Ea Nam	13.000		

1. Thị trấn Ea Đrăng

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn thị trấn

2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 2a, thôn 2b, thôn 1

- Vị trí 2: Thôn 9, buôn Săm A, buôn Săm B, buôn Treng

- Vị trí 3: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Sol

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Ea Wy

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

6. Xã Cư A Mung

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

7. Xã Cư Mốt

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

8. Xã Ea Hiao

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

9. Xã Ea Khăl

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Đưng, buôn đưng A, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Yang

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

11. Xã Ea Tir

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

12. Xã Ea Nam

- Tính 1 vị trí trên địa bàn toàn xã

Bảng số 5: Giá đất nuôi trồng thủy sảnĐVT: Đồng/m²

STT	Đơn vị hành chính	Mức giá	
		Vị trí 1	Vị trí 2
1	Thị trấn Ea Đrăng	30.000	28.000
2	Xã Ea H'leo	22.000	19.000
3	Xã Ea Sol	22.000	19.000
4	Xã Ea Răl	22.000	19.000
5	Xã Ea Wv	22.000	19.000
6	Xã Cư A Mung	22.000	19.000
7	Xã Cư Mốt	21.000	18.000
8	Xã Ea Hiao	24.000	21.000
9	Xã Ea Khăl	22.000	19.000
10	Xã Dliê Yang	22.000	19.000
11	Xã Ea Tìr	22.000	19.000
12	Xã Ea Nam	22.000	19.000

1. Thị trấn Ea Đrăng

- Vị trí 1: Tổ dân phố 1, tổ dân phố 2, tổ dân phố 6, tổ dân phố 7, tổ dân phố 8, tổ dân phố 9, tổ dân phố 10, tổ dân phố 11, tổ dân phố 12, tổ dân phố 14, buôn Lê B

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

2. Xã Ea H'leo

- Vị trí 1: Thôn 6, thôn 7, thôn 8, thôn 9

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

3. Xã Ea Sol

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 5, thôn 3, thôn 6, thôn 7, thôn Thái, thôn Ea Yú, Buôn Drăn, buôn Tang, buôn Wing, buôn K'rái, buôn Ea Blong, buôn Chứ, buôn Điết, buôn Bung, buôn M'nút

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

4. Xã Ea Răl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5, thôn 6, thôn 6a, thôn 7, buôn A Riêng, buôn Riêng B

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

5. Xã Ea Wy

- Vị trí 1: Thôn 1A, thôn 1B, thôn 2B, thôn 3A, thôn 3B, thôn 4A, thôn 4B, thôn 5A, thôn 5B

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

6. Xã Cư A Mung

- Vị trí 1: Thôn 3, thôn 4, thôn 9, thôn 10, thôn 10a, buôn Tơ Yoa

- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

7. Xã Cư Mốt

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 5
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

8. Xã Ea Hiao

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3, thôn 4a, thôn 4b, thôn 5a, thôn 6, buôn Krái, buôn Hiao 1, buôn Hiao 2
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

9. Xã Ea Khăl

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 10, thôn 11, buôn Đung, buôn Đung A
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

10. Xã Dliê Yang

- Vị trí 1: Thôn 4, buôn Draih, buôn Choah, buôn Tri B, thôn Tri C3
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

11. Xã Ea Tір

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 3
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại

12. Xã Ea Nam

- Vị trí 1: Thôn 1, thôn 2, thôn 2a, thôn 3, thôn 4, thôn Ea Sia A, thôn Ea Sia B, thôn Ea Ksô, thôn Ea Ksô A, thôn Ea Đen, buôn Kdruh, buôn Kdruh A
- Vị trí 2: Các khu vực còn lại.

Bảng số 6: Giá đất ở tại nông thôn

ĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Xã Ea H'leo			
1	Quốc lộ 14	UBND Xã Ea H'leo, hướng đi BMT - Thửa 29; TBĐ số 148 (Phía Tây đường) và thửa 28; TBĐ số 148 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - Thửa 17; TBĐ số 159 (Phía Tây đường) và thửa 22; TBĐ số 159 (Phía Đông đường)	1.600.000
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Nay Y Ble - Thửa 17; TBĐ số 159 (Phía Tây đường) và thửa 22; TBĐ số 159 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, CT UBND xã - Thửa 30; TBĐ số 175 (Phía Đông đường) và thửa 27; TBĐ số 175 (Phía Tây đường)	1.200.000
		Hết ranh giới đất vườn nhà ông Trinh, CT UBND xã - Thửa 30; TBĐ số 175 (Phía Đông đường) và thửa 27; TBĐ số 175 (Phía Tây đường)	Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - Thửa 15; TBĐ số 184 (Phía Tây đường) và thửa 19; TBĐ số 184 (Phía Đông đường)	1.500.000
		Hết ranh giới đất Hội trường thôn 8 - Thửa 15; TBĐ số 184 (Phía Tây đường) và thửa 19; TBĐ số 184 (Phía Đông đường)	Giáp địa giới xã Ea Ral (Hai bên đường)	950.000
		UBND Xã Ea H'leo (Hướng cầu 110) - Thửa 29; TBĐ số 148 (Phía Tây đường) và thửa 28; TBĐ số 148 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa 34; TBĐ số 141 (Phía Đông đường)	2.500.000
		Hết ranh giới thửa đất Trường THCS Chu Văn An và thửa 34; TBĐ số 141 (Phía Đông đường)	Giáp ngã ba vào buôn Dang - Thửa 25; TBĐ số 134 (Phía Đông đường) và thửa 28; TBĐ số 134 (Phía Tây đường)	3.200.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Giáp ngã ba vào buôn Dang - Thửa 25; TBĐ số 134 (Phía Đông đường) và thửa 28; TBĐ số 134 (Phía Tây đường)	Giáp ngã ba - Thửa 65; TBĐ số 127 (Phía Tây đường) và thửa 53; TBĐ số 127 (Phía Đông đường)	1.500.000
		Giáp ngã ba - Thửa 65; TBĐ số 127 (Phía Tây đường) và thửa 53; TBĐ số 127 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới Thửa đất 28; TBĐ số 112 (Phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (Phía Đông đường)	1.050.000
		Hết ranh giới Thửa đất 28; TBĐ số 112 (Phía Tây đường) và đường hẻm vào nhà bà Tục (Phía Đông đường)	Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - Thửa 17; TBĐ số 3 (Phía Đông đường) và thửa 127; TBĐ số 2 (Phía Tây đường)	550.000
		Hết ranh giới đất Xí nghiệp gỗ Thanh Nguyên - Thửa 17; TBĐ số 3 (Phía Đông đường) và thửa 127; TBĐ số 2 (Phía Tây đường)	Cầu 110 (Hai bên đường)	630.000
2	Đường Trong KDC thôn 2 A	Quốc lộ 14 Nhà ở ông Trà Văn Hiệp (Thửa 54; TBĐ số 127)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Hòa (Thửa 90; TBĐ số 23)	280.000
3	Đường Trong KDC thôn 2 B	Trường Chu Văn An (Thửa 58; TBĐ số 141)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Văn Chí (Thửa 252; TBĐ số 140)	300.000
		Quốc lộ 14 Nhà ở ông Nguyễn Toàn (Thửa 54; TBĐ số 135)	Thửa đất ông Phan Hữu Bi (Thửa 43; TBĐ số 135)	280.000
		Thửa đất nhà ở ông Đoàn (Thửa 25; TBĐ số 134)	Hết ranh giới thửa đất ông Trịnh Bốn (Thửa 7; TBĐ số 132)	280.000
4	Đường Trong KDC thôn 2 C (Đường Pháp)	Ngã ba Buôn Dang (Nhà ông Cảnh - Thửa 60; TBĐ số 129)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Chúng (Thửa 2; TBĐ số 132)	280.000
		Ngã ba Buôn Dang (Chuồng Trâu) - Thửa 60; TBĐ số 129	Hết ranh giới thửa đất ở ông Phụng Văn Nhờ (Thửa 48; TBĐ số 16)	280.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
5	Đường Trong KDC thôn 3	Quốc lộ 14 nhà bà Đỗ Thị Hồng (Thửa 76; TBĐ số 148)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (Thửa 118; TBĐ số 154)	300.000
6	Đường Trong KDC thôn 4	Hết ranh giới thửa đất ở ông Bùi Văn Dũng (Thửa 118; TBĐ số 154)	Giáp Quốc lộ 14 (Thửa 171; TBĐ số 154)	300.000
		Thửa đất nhà ở ông Nguyễn Hữu Thông (Thửa 14; TBĐ số 160)	Suối nước Đục (Thửa 32; TBĐ số 158)	320.000
		Thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Phương (Thửa 202; TBĐ số 154)	Hết ranh giới hội trường thôn 4 (Thửa 97; TBĐ số 154)	300.000
		Hết ranh giới hội trường thôn 4 (Thửa 97; TBĐ số 154)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đức Cảnh (Thửa 147; TBĐ số 154)	300.000
7	Đường Trong KDC thôn 5	Thửa đất nhà ở ông Đỗ Hữu Tiến (Thửa 44; TBĐ số 171)	Hội trường thôn 5 (Thửa 35; TBĐ số 171)	320.000
8	Đường Trong KDC thôn 6	Hội trường thôn 6 (Thửa 16; TBĐ số 179)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Mai Chí Bốn (Thửa 162; TBĐ số 79)	300.000
		Quốc lộ 14 Nhà ở ông Lê Trọng Lan (Thửa 26; TBĐ số 171)	Nhà điều hành Hồ thủy lợi Ea H'leo 1 (Thửa 1; TBĐ số 87)	500.000
9	Đường Trong KDC thôn 7	Hội trường thôn 7 (Thửa 57; TBĐ số 181)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Quyết (Thửa 37; TBĐ số 182)	320.000
10	Đường Trong KDC thôn 8	Quốc lộ 14 Nhà ông Đào Quyết Chiến (Thửa 9; TBĐ số 181)	Cầu suối Ea Ooc (Thửa 61; TBĐ số 85)	320.000
		Quốc lộ 14 Nhà ông Nguyễn Xuân Đạm (Thửa 3; TBĐ số 180)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Lê Văn Cấp (Thửa 42; TBĐ số 85)	300.000
		Quốc lộ 14 hội trường thôn 8 (Thửa 15; TBĐ số 184)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (Thửa 1, TBĐ số 184)	320.000
11	Đường Trong KDC thôn 9	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Dũng (Thửa 1, TBĐ số 184)	Hết ranh giới thửa đất ông Phan Tiến Dũng (Thửa 171; TBĐ số 85)	280.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
12	Đường Trong KDC buôn Dang	Ngã ba buôn Dang nhà ông Chiến Thảo (Quốc lộ 14) - Thửa 57; TBĐ số 134	Nghĩa địa Buôn Dang (Thửa 9; TBĐ số 120)	360.000
13	Đường Trong KDC buôn Săm A+B	Thửa đất nhà ở ông Rmah H'Muong (Thửa 71; TBĐ số 141)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Phương (Thửa 38; TBĐ số 154)	360.000
14	Đường trong khu dân cư buôn Săm A	Hết ranh giới thửa đất ở bà Nay Y Bint (Thửa 13; TBĐ số 153)	Hết ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Xếp (Thửa 80; TBĐ số 153)	280.000
		Ranh giới thửa đất ở Nay H'Hmut (Thửa 10; TBĐ số 148)	Hết ranh giới thửa đất ở Nay Y H'Nô (Thửa 43; TBĐ số 141)	360.000
15	Đường trong khu dân cư buôn Treng	Ranh giới thửa đất ở bà Nguyễn Thị Luân (Thửa 108; TBĐ số 164)	Hết ranh giới thửa đất ở ông R Căm Y Kriat (Thửa 7; TBĐ số 160)	360.000
16	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa)			200.000
17	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (đường đất hoặc cấp phối)			170.000
18	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			150.000
19	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			120.000
II	Xã Ea Sol			
1	Tỉnh lộ 15	Trụ sở UBND xã Ea Sol (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)	Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Sol	1.500.000
		Hết ranh giới thửa đất Sân bóng xã Ea Sol	Ngã ba Tý Xuyên (Phía đông đường) và hết ranh giới thửa 42; TBĐ số 232 (Phía Tây đường)	1.800.000
		Ngã ba Tý Xuyên (Phía đông đường) và hết ranh giới thửa 42; TBĐ số 232 (Phía Tây đường)	Ngã tư, hết ranh giới thửa 76; TBĐ số 227 (Phía Đông đường) và hết ranh giới thửa 83; TBĐ số 227 (Phía Tây đường)	1.100.000
		Ngã tư, hết ranh giới thửa 76; TBĐ số 227 (Phía Đông đường) và hết ranh giới thửa 83; TBĐ số 227 (Phía Tây đường)	Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa 33; TBĐ số 218 (Phía Tây đường) và hết ranh giới thửa 28; TBĐ số 218 (Phía Đông đường)	600.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba buôn Ta Ly, hết ranh giới thửa 33; TBĐ số 218 (Phía Tây đường) và hết ranh giới thửa 28; TBĐ số 218 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới Thửa 1, 2; TBĐ số 216 (Hai bên đường)	480.000
		Trụ sở UBND xã Ea Sol (Bao gồm cả thửa đất Bưu điện xã)	Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến	1.200.000
		Trường Nguyễn Bình Khiêm, Trường Nguyễn Khuyến	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (Thửa 34; TBĐ số 237)	1.100.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Văn Thắng (Thửa 34; TBĐ số 237)	Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại Quang Hợp (Thửa 90; TBĐ số 254)	720.000
		Hết ranh giới thửa đất DNTN thương mại Quang Hợp (Thửa 90; TBĐ số 254)	Giáp địa giới hành chính xã Dliê Yang	600.000
		Tỉnh lộ 15 còn lại		400.000
2	Đường liên xã	Ngã ba Tý Xuyên (Hướng Ea Hiao)	Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232)	620.000
		Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232)	Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol	420.000
		Hết ranh giới đất Trường tiểu học Ea Sol	Hết khu dân cư Buôn Kri	300.000
		Ngã tư (Thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Huyền thửa 120; TBĐ số 232), hướng buôn Mnút	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Ma Thế (Thửa 92; TBĐ số 240)	220.000
3	Đường Dliê Yang - Ea Hiao	Cầu (3 xã) về hướng Đông	Hết đường (Giáp địa giới hành chính xã Ea Hiao)	220.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
4	Đường liên thôn	Ngã ba cây xăng Ông Danh, thửa 11; TBD số 254 (Hướng nông trường cao su)	Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (Thửa 110; TBD số 249)	400.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Tiến (Thửa 110; TBD số 249)	Nông trường cao su	220.000
		Nhà ông Lưu Đức Dương thôn 3 (Thửa 23; TBD số 238)	Ngã tư (Thửa đất của ông Đặng Văn Khôi - Thửa 148; TBD số 232)	250.000
		Ngã ba Trạm xá xã Ea Sol	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (Thửa 67; TBD số 231), giáp Ngã tư	220.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Đức Nhuận (Thửa 67; TBD số 231), giáp Ngã tư	Ngã ba nhà ông Ksor Năng, buôn Tang (Thửa 10; TBD số 237)	220.000
5	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã bê tông hóa đã nhựa hóa (Gồm Buôn Hoai, buôn Ea Blong, buôn Chăm) (nhà nước đầu tư)			170.000
6	Đường hiện trạng $>3,5\text{m}$ đã bê tông hóa đã nhựa hóa			150.000
7	Đường hiện trạng $>3,5\text{m}$ là đường đất, đường cấp phối			120.000
8	Các đường còn lại (Gồm các đường đã nhựa hóa, bê tông hóa)			110.000
9	Các đường còn lại (Gồm các đường cấp phối, đường đất)			100.000
III	Xã Ea Ral			
	Quốc lộ 14	UBND xã Ea Ral (Hướng cầu 110) và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (Thửa 233; TBD số 98) phía Đông đường và thửa 230; TBD số 98 phía Tây đường	1.500.000
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thành Công (Thửa 233; TBD số 98) phía Đông đường và thửa 230; TBD số 98 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBD số 95) phía Đông đường và thửa 74, TBD số 95 phía Tây đường	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBD số 95) phía Đông đường và thửa 74, TBD số 95 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (Thửa 93; TBD số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường	1.400.000
		Hết ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Tinh (Thửa 93; TBD số 94) phía Đông đường và Đường vào nghĩa địa thôn 3, phía Tây đường	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (Thửa 14; TBD số 93) phía Đông đường và thửa 3; TBD số 92 phía Tây đường	750.000
		Hết Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Quyết (Thửa 14; TBD số 93) phía Đông đường và thửa 3; TBD số 92 phía Tây đường	Giáp ranh giới Xã Ea H'leo	700.000
		UBND xã Ea Ral (Hướng BMT) và Hết ranh giới Trường TH Lê Văn Tám	Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Ral phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường	1.600.000
		Hết ranh giới nhà Đội NTCS Ea Ral phía Đông đường và đường vào khu bảo tồn thông nước phía Tây đường	Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường	1.400.000
		Hội trường thôn 5 phía Đông đường và Cổng chào thôn 5 phía Tây đường	Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hường (Thửa 168; TBD số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Ral phía Tây đường	1.800.000
		Hết ranh giới thửa đất ở Nguyễn Đình Hường (Thửa 168; TBD số 129) phía Đông đường và đường ranh giới Cụm CN Ea Ral phía Tây đường	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Drăng (Hai bên đường)	2.500.000
2	Đường vào xã Cư Môt - Ea Wy	Ngã ba Quốc lộ 14	Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhàn (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa 61; TBD số 97)	650.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết Ranh giới thửa đất ở hộ ông Nhân (Đối diện là thửa đất nhà ở ông Trần Lắm, thửa 61; TBĐ số 97)	Giáp địa giới xã Cư Mốt	480.000
3	Đường vào buôn Tùng Thăng	Ngã ba Quốc lộ 14	Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê	350.000
		Nhà cộng đồng buôn Tùng Xê	Cầu Đá Tràn	160.000
4	Đường vào Trường THPT Phan Chu Trinh	Quốc lộ 14	Cuối đường (Cổng trường Phan Chu Trinh)	1.600.000
5	Đường giao thông nông thôn (Đối diện Cụm công nghiệp)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Trọng Lân (Thửa 100; TBĐ số 129)	Giáp địa giới hành chính Thị trấn	300.000
6	Đường thôn 8 đi Núi Ngang	Ranh giới đất nhà ông Thân Danh Côi (Thửa 6; TBĐ số 33)	Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (Thửa 4; TBĐ số 93)	450.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Trần Việt Tín Nghĩa (Thửa 4; TBĐ số 93)	Núi Ngang (Đầu vườn cao su của CT cao su Ea H'leo)	300.000
7	Đường khu dân cư Thôn 1	Từ ranh giới thửa đất ở nhà ông Đoàn Quang Thanh (Thửa 81; TBĐ số 114)	Ranh giới thửa đất ở hộ ông Võ Trường Đông (Thửa 38; TBĐ số 106)	300.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Mai Hữu Khoa (Thửa 48; TBĐ số 113)	Hết Ranh giới thửa đất ở Trần Vĩnh Ninh (Thửa 67; TBĐ số 105)	280.000
	Đường khu dân cư Thôn 2	Ranh giới thửa đất ở ông Trần Văn Nhất (Thửa 76; TBĐ số 105)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Huỳnh Văn Cảnh (Thửa 55; TBĐ số 105)	300.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Luận (Thửa 38; TBĐ số 104)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Hồng (Thửa 42; TBĐ số 103)	300.000
	Đường khu dân cư Thôn 3	Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Duy Thanh (Thửa 76; TBĐ số 95)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Đình Đích (Thửa 22; TBĐ số 44)	280.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Tỉnh (Thửa 93; TĐĐ số 94)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Đỗ Đình Luận (Thửa 112; TĐĐ số 33)	280.000
	Đường khu dân cư Thôn 4	Ranh giới thửa đất ở ông Y Giáp Ksor (Thửa 95; TĐĐ số 129)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phạm Mạnh Ân (Thửa 36; TĐĐ số 135)	480.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Cao Anh Vĩnh (Thửa 261; TĐĐ số 117)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Lê Quang Hưng (Thửa 109; TĐĐ số 124)	300.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Phan Văn Thuận	Hết ranh giới thửa đất ông Phan Văn Lộc	350.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Trần Hữu Hồng (Thửa 131; TĐĐ số 129)	Hết Ranh giới thửa đất của ông Hoàng Xuân Miên (Thửa 23; TĐĐ số 129)	300.000
	Đường khu dân cư Thôn 5	Cổng chào thôn 5	Hết ranh giới thửa đất ông Hoàng Văn Dần (Thửa 2; TĐĐ số 129)	300.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Thanh Tiến (Thửa 10; TĐĐ số 124)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Phan Trọng Đăng (Thửa 256; TĐĐ số 117)	180.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Phương (Thửa 216; TĐĐ số 117)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Quang Tá (Thửa 1; TĐĐ số 110)	220.000
	Đường khu dân cư Thôn 6; 6 A	Ranh giới thửa đất ở ông Hoàng Đình Nhân (Thửa 21; TĐĐ số 117)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Lê Thê Dũng (Thửa 8; TĐĐ số 116), giáp ngã ba	220.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Trần Như Thúy (Thửa 161; TĐĐ số 116)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Phước (Thửa 3; TĐĐ số 108)	350.000
		Ranh giới thửa đất ở ông Đinh Văn Hiếu (Thửa 74; TĐĐ số 115)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Trần Vĩnh Hạnh (Thửa 13; TĐĐ số 115)	220.000
	Đường khu dân cư Thôn 7	Cổng chào thôn 7	Hết ranh giới thửa đất ở bà Phạm Thị Mí (Thửa 20; TĐĐ số 107)	220.000
8	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa)			200.000
9	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Đường đất hoặc cấp phối)			160.000
10	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			130.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
11	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			110.000
IV	Xã Ea Wy			
1	Đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Thửa đất Cây xăng ông Cộng (Đi về Cư Mốt) - Thửa 208; TBĐ số 121	Giáp ngã ba cây xoài (Đường vào nhà ông Sơn) - Thửa 222; TBĐ số 123	3.000.000
		Ngã ba cây xoài (Thửa 207; TBĐ số 123)	Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (Thửa 152; TBĐ số 124)	2.400.000
		Ngã ba đường vào sân bóng Quang Trung (Thửa 5; TBĐ số 124)	Giáp địa giới xã Cư Mốt	1.200.000
		Hết ranh giới đất Cây xăng ông Cộng - Thửa 208; TBĐ số 121	Cầu Ea Wy	1.600.000
2	Đường liên xã	Ngã ba cây xoài (Thửa 232; TBĐ số 123)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (Thửa 163; TBĐ số 129)	800.000
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Hiếu (Thửa 163; TBĐ số 129)	Cầu Bằng Lăng	500.000
		Ngã ba thửa đất hộ ông Mã Văn Thành (Thửa 40; TBĐ số 118)	Giáp địa giới xã Cư Mốt	500.000
3	Đường liên thôn	Ngã ba chợ Ea Wy (Thửa 238; TBĐ số 121)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hường (Thửa 122; TBĐ số 121)	3.000.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Huy Hường (Thửa 122; TBĐ số 121)	Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toản (Thửa 367; TBĐ số 114)	2.600.000
		Hết ranh giới đất Trường Trần Quốc Toản (Thửa 367; TBĐ số 114)	Cầu Sắt (Thửa 380; TBĐ số 114)	1.800.000
		Cầu Sắt (Thửa 79; TBĐ số 114)	Giáp ngã ba Bảy Đạo (Thửa 187; TBĐ số 107)	700.000
		Giáp ngã ba Bảy Đạo (Thửa 187; TBĐ số 107)	Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)	500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)	Đường liên huyện (Thửa 94; TBĐ số 112)	300.000
		Đầu thôn 7B (Thửa 50; TBĐ số 124)	Đầu thôn 1A (Thửa 208; TBĐ số 108)	400.000
		Từ nhà ông Đoàn Ngọc Sơn	Sân kho lương thực cũ	250.000
		Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Thanh Truyền	Ranh giới thửa đất hộ bà Phó (thôn 2B)	350.000
		Hết ranh giới thửa đất hộ bà Phó (thôn 2B)	Ngã ba thửa đất hộ ông Nguyễn Hoàng Tuấn Việt (thôn 2B)	250.000
		Từ thửa đất hộ ông Vũ Tuấn Khanh (Thửa 182; TBĐ số 121)	Thửa đất hộ bà Mạc Thị Lâm (thôn 11)	1.100.000
		Từ thửa đất hộ ông Hà Văn Thật (Thửa 167; TBĐ số 121)	Thửa đất hộ ông Trần Văn Toàn (thôn 11) - Thửa 251; TBĐ số 121	900.000
		Đầu thôn 2B	Hết ranh giới đất vườn nhà ông Lê Văn Tín	250.000
4	Đường nội thôn	Đầu ranh giới đất nhà ông Võ Văn Sâm (Thửa 280; TBĐ số 107)	Nghĩa địa thôn 2A	350.000
		Hết ranh giới sân kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)	Thủy điện Ea Drăng II	350.000
		Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (Thửa 83; TBĐ số 104)	Ngã 3 thủy điện Ea Drăng II (Thửa 1; TBĐ số 105)	350.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Bảy Thắng (Thửa 335; TBĐ số 108)	Đầu ranh giới thửa đất ông Lê Văn Mai (Thửa 83; TBĐ số 104)	350.000
		Trường tiểu học Trần Quốc Toàn	Thôn 1B và thôn 8B	250.000
		Hết ranh giới đất kho lương thực cũ (Thửa 22; TBĐ số 47)	Khu vực Bình Sơn Thôn 1C (X=454119.46; Y=1463433.12)	300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Nông Văn Tùng thôn 5B (Thửa 322; TĐĐ số 129)	Hội trường thôn 5B (Thửa 271; TĐĐ số 129)	300.000
5	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã nhựa hóa, bê tông hóa còn lại			250.000
6	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ (Đường đất, đường cấp phối)			200.000
7	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			150.000
8	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			130.000
V	Xã Cư A Mung			
1	Đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Trụ sở UBND xã	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TĐĐ số 51)	840.000
		Hết ranh giới đất đất nhà ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TĐĐ số 51)	Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Lục Văn Tùng (Thửa 19; TĐĐ số 11)	720.000
		Đầu ranh giới thửa đất nhà ông Lục Văn Tùng (Thửa 19; TĐĐ số 11)	Cầu Ea Wy	780.000
		Hết Trụ sở UBND xã	Ranh giới thửa đất Trường TH Lê Đình Chinh	720.000
		Đầu ranh giới đất Trường TH Lê Đình Chinh	Hết buôn Tơ Roa (Hết địa giới huyện)	370.000
2	Đường liên xã	Cầu Bằng Lăng	Giáp Phân trường Ea Wy	310.000
		Phân trường Ea Wy	Giáp địa giới xã Cư Mốt	190.000
		Giáp phân trường Ea Wy	Ngã ba Tiến Hạ	190.000
		Ngã ba Tiến Hạ	Ngã ba đường đến trung tâm xã	210.000
		Ngã ba thửa đất hộ Toàn Tuyết (Thửa 4; TĐĐ số 49)	Hết xã Cư Amung đường đi thôn 2b, Ea Wy	190.000
		Ngã ba Tiến Hạ	Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	210.000
		Từ ngã ba đường liên huyện đường đi xã Ea Tір	Ngã tư đường trung tâm xã	190.000
		Ngã tư đường trung tâm xã	Đi vào lò ô	160.000
3	Đường liên thôn	Từ thửa đất hộ ông Nguyễn Văn Mông (Thửa 12; TĐĐ số 51) về hướng Bắc	Hết đường	170.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba Tung Phuong (Đi thôn 3 sinh Hà Dung)	Hết đường	160.000
		Từ phân hiệu Lê Đình Chinh tại thôn 3	Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Ma Văn Cậy (Thửa 160; TBĐ số 27)	160.000
		Từ điểm trường chính Lê Đình Chinh	Hết ranh giới thửa đất nhà ở ông Lương Văn Trọng (Thửa 61; TBĐ số 14)	170.000
		Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp (Nhà ông Nông Văn Phòng thửa 63; TBĐ số 61)	Hết ranh giới đất trường mẫu giáo Tuổi Ngọc	170.000
		Ngã ba đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp (Nhà ông Luỡng Văn Phở thửa 24; TBĐ số 61)	Cổng thôn 5 (Đường vào sinh bò)	160.000
4	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đã được nhựa hóa, bê tông hóa)			150.000
5	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất hoặc cấp phối)			120.000
6	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			110.000
7	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			100.000
VI	Xã Cư Mốt			
1	Đường liên huyện Ea H'leo - Ea Súp	Trụ sở UBND xã Cư Mốt (Hướng 92)	Hết Hội trường thôn 2	700.000
		Hết Hội trường thôn 2	Giáp địa giới xã Ea Ral	480.000
		Ranh giới thửa đất UBND xã Cư Mốt (Hướng Ea Wy)	Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Phan Văn Long thửa 37; TBĐ số 98)	1.100.000
		Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Nguyễn Văn Thông thửa 41; TBĐ số 98)	Giáp địa giới xã Ea Wy	700.000
2	Đường liên xã			
	Đường Ngã ba xưởng cưa đi sinh thông (Giáp đường liên xã Ea	Ngã ba xưởng cưa (Nhà ông Nguyễn Văn Thông thửa 41; TBĐ số 98)	Giáp ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa 4; TBĐ số 109)	500.000
		Ngã ba (Nhà ông Nguyễn Văn Minh thửa 4; TBĐ số 109)	Giáp ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa 19; TBĐ số 118)	350.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
	Wy-Cư Mốt-Ea Khal)	Ngã ba (Nhà ông Lữ Đình Hoàng thửa 19; TBD số 118)	Giáp Đường liên xã Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khal	300.000
	Đường Ea Wy - Cư Mốt - Ea Khal	Giáp xã Ea Khal	Trường Bùi Thị Xuân	350.000
		Trường Bùi Thị Xuân	Giáp địa giới xã Ea Wy	250.000
	Đường Cư A Mung - Cư Mốt - Ea Khal	Ranh giới xã Cư A Mung	Địa giới xã Ea Khal	180.000
3	Đường liên thôn	Ngã ba UBND xã	Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa 14; TBD số 94)	400.000
		Ngã ba nhà ông Lê Minh Lập (Thửa 16; TBD số 95)	Cầu Cây Sung	200.000
		Ngã ba cây sung	Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa 55; TBD số 109)	200.000
		Ngã tư (Thửa đất hộ ông Trần Trung Việt thửa 55; TBD số 109)	Giáp ngã tư (Hội trường thôn 6A)	200.000
		Ngã tư (Thửa đất hộ ông Mai Xuân Thắng thửa 14; TBD số 94)	Giáp ngã tư (Thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa 104; TBD số 94)	200.000
		Ngã tư (Thửa đất hộ ông Phan Thành Thọ thửa 104; TBD số 94)	Giáp ngã tư Trạm Y tế xã	200.000
		Giáp ngã tư Trạm Y tế xã	Giáp ngã ba (Hết thửa đất ở hộ ông Đào Văn Hào thửa 12; TBD số 99)	300.000
4	Đường hiện trạng $\geq$ 3m đã bê tông hóa, nhựa hóa			150.000
5	Đường hiện trạng $\geq$ 3m đường đất, đường cấp phối			130.000
6	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			110.000
7	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			100.000
VII	Xã Ea Hiao			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
1	Khu trung tâm chợ	Ngã tư chợ về phía Tây hướng 82 (Thửa 225; TBĐ số 122)	Giáp nghĩa địa Ea Hiao 1 (Thửa 11; TBĐ số 25)	1.500.000
		Ngã tư chợ về phía UBND xã (Thửa 225; TBĐ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (Thửa 245; TBĐ số 122)	1.400.000
		Ngã tư chợ về phía Nam đi thôn 4A (Thửa 225; TBĐ số 122)	Cầu 135 (Thửa 220; TBĐ số 122)	1.300.000
		Ngã tư chợ về phía Bắc (Thửa 225; TBĐ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (Thửa 32; TBĐ số 122)	1.200.000
2	Trục đường số 1	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Đình Cư (Thửa 245; TBĐ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà thế giới di động (Thửa 31; TBĐ số 122)	1.000.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà thế giới di động (Thửa 31; TBĐ số 122)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (Thửa 109; TBĐ số 110)	700.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Phan Thái Lai (Thửa 109; TBĐ số 110)	Giáp ngã ba buôn Bir (Đi xã Ea Sol) - Thửa 50; TBĐ số 104	350.000
		Giáp ngã ba buôn Bir (Đi xã Ea Sol) - Thửa 51; TBĐ số 104	Cầu buôn Kra (Thửa 56; TBĐ số 17)	250.000
3	Trục đường số 2	Cầu 135 (Thửa 196; TBĐ số 122)	Ngã 3 nhà Ông Phạm Xuân Thảo (Thửa 100; TBĐ số 26)	500.000
4	Trục đường số 3	Nghĩa địa Ea Hiao (Thửa 11; TBĐ số 25)	Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (Thửa 95; TBĐ số 120)	500.000
5	Trục đường số 4	Cầu buôn Kra (Thửa 38; TBĐ số 17)	Ngã 3 Nông trường Cao su (Thửa 31; TBĐ số 105)	200.000
6	Trục đường số 5	Hết ranh giới Trường THCS Lê Lợi (Thửa 95; TBĐ số 120)	Giáp ranh giới xã Ea Sol phía Đông đường, phía tây đường hết đất nhà ông Phạm Phú Viễn (Thửa 28; TBĐ số 118)	450.000
7	Trục đường số 6	Phía tây đường hết đất ông Phạm Phú Viễn - Thửa 28; TBĐ số 118 (Hướng 82)	Cầu sắt (Thửa 5; TBĐ số 113)	220.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
8	Trục đường thôn 2	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Bốc (Thửa 32; TBĐ số 122)	Giáp cao su	550.000
9	Đường thôn 4B	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Mão (Thửa 77; TBĐ số 123)	Ngã 3 nhà ông Nguyễn Thanh Chủy (Huyện) - Thửa 5; TBĐ số 36	190.000
10	Đường thôn 7B tuyến 1	Ngã 3 Nông trường Cao su (Thửa 31; TBĐ số 105)	Trường tiểu học Lê Lai (Thửa 72; TBĐ số 112)	170.000
11	Đường liên thôn 8 đi 9	Ngã 3 đất nhà ông Thống hướng sang xã Ea Tân	Cầu hết ranh giới xã (Hai bên đường)	250.000
12	Đường liên thôn 8B đi 9B	Ngã 3 đất nhà ông Thống hướng UBND xã	Hết ranh giới đất bố trí giãn dân thôn 8B và 9B hai bên đường	200.000
13	Đường liên thôn 9A đi 9B	Ngã 3 nhà Ông Sơn và Bà Miên (Thửa 106; TBĐ số 79)	Đầu ranh giới nhà Ông Lý Dũng Kiều (Thửa 3; TBĐ số 88)	200.000
14	Đường giao thông buôn Bir	Ngã ba buôn Bir, đất ông Ksor Y Lúc (Hai bên đường) - (Thửa 37; TBĐ số 104)	Giáp cao su Nông trường đến hết đất sân bóng chuyên Buôn Bir (Thửa 8; TBĐ số 101)	220.000
15	Đường giao thông buôn Krái	Ngã ba (Nhà ông Ksor Y Nroi và Ksor H Mlai) hai bên đường - Thửa 155; TBĐ số 17	Giáp cao su Nông trường (Đất nhà Nay Y Grang) - Thửa 12; TBĐ số 102	200.000
16	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đã nhựa hóa, bê tông hóa			160.000
17	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đường đất, đường cấp phối			140.000
18	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			120.000
19	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			90.000
VIII	Xã Ea Khăl			
1	Quốc lộ 14	Giáp địa giới thị trấn Ea Drăng (Hai bên đường)	Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TBĐ số 119) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường	1.400.000
		Hết ranh giới thửa đất vườn nhà ông Sáu (thửa 41; TBĐ số 119) phía Tây đường và hết ranh giới thửa đất Nhà ông Tám, phía Đông đường	Giáp địa giới xã Ea Nam (Hai bên đường)	1.300.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Đường liên xã	Giáp địa giới thị trấn Ea Drăng (Thửa 2; TBĐ số 101)	Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 21; TBĐ số 106)	1.600.000
		Hết thửa đất nhà ở của bà Thương (Thửa 14; TBĐ số 105)	Cầu Buôn Đung (Thửa 20; TBĐ số 104)	950.000
		Cầu Buôn Đung (Thửa 31; TBĐ số 97)	Giáp ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - thửa 68; TBĐ số 96)	800.000
		Ngã ba (Thửa đất hộ bà Mão) - Thửa 9; TBĐ số 20)	Cầu Lò Gạch (gần nhà ông Dũng) - Thửa 11; TBĐ số 11	320.000
		Cầu Lò gạch (gần nhà ông Dũng) - thửa 94; TBĐ số 11	Giáp ngã ba Rừng Nứa (Thửa 60; TBĐ số 18)	200.000
		Ngã ba Rừng Nứa (Thửa 79; TBĐ số 18)	Ngã ba Cây Hương (Thửa 4; TBĐ số 17)	200.000
		Ngã ba (Vườn nhà bà Mão) - thửa 13; TBĐ số 20	Giáp sân bóng buôn Đung (Thửa 7; TBĐ số 29)	400.000
		Sân bóng buôn Đung (Thửa 9; TBĐ số 29)	Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 13; TBĐ số 39)	700.000
		Hết ranh giới nhà ông Trần Văn Diệu (Thửa 18; TBĐ số 39)	Giáp ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 59; TBĐ số 52)	550.000
		Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 85; TBĐ số 52)	Giáp địa giới xã Ea Nam (Thửa 51; TBĐ số 51)	400.000
		Ngã ba cây khế thôn 8 (Thửa 105; TBĐ số 51)	Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đình thôn phó (Thửa 83; TBĐ số 50)	500.000
		Đầu Ranh giới thửa đất hộ ông Đình thôn phó (Thửa 82; TBĐ số 50)	Giáp xã Cư Một (Thửa 35; TBĐ số 34)	320.000
		Ranh giới thửa đất hộ ông Mạnh (Đường vào buôn) - Thửa 11; TBĐ số 103)	Sân bóng buôn Đung (thửa 17; TBĐ số 109)	550.000
		Hội trường thôn 9 (thửa 54; TBĐ số 80)	Hội trường thôn 12 (thửa 50; TBĐ số 88)	320.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hội trường thôn 12 (thửa 64; TBĐ số 88)	Ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (thửa 101; TBĐ số 94)	500.000
		Đường liên xã về mỗi phía còn lại		400.000
3	Khu vực Cù K'tây	Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tìr, Ea Wy, Ea Khal - Thửa 8; TBĐ số 128)	Hướng Ea Khal đến hết ranh giới thửa đất cây xăng Lợi Thảo (Thửa 91; TBĐ số 94)	950.000
		Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tìr, Ea Wy, Ea Khal) - Thửa 6; TBĐ số 128)	Giáp đường vào mỏ đá (Hướng Ea Wy) - thửa 27; TBĐ số 127	950.000
		Giáp đường vào mỏ đá (Thửa 34; TBĐ số 127)	Giáp địa giới hành chính xã Ea Wy (Thửa 11; TBĐ số 74)	400.000
		Ngã ba Chư K'tây (Đi 03 xã Ea Tìr, Ea Wy, Ea Khal) - thửa 28; TBĐ số 128	Hướng Ea Tìr giáp cầu Cây Sung (Thửa 11; TBĐ số 128)	950.000
4	Đường liên thôn	Cổng chào thôn 3 (Thửa 2; TBĐ số 112)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trục (Thửa 63; TBĐ số 114)	600.000
		Hết ranh giới thửa đất hộ ông Trục (Thửa 5; TBĐ số 116)	Hết ranh giới thửa đất hộ ông Đặng Văn Thế (Thửa 90; TBĐ số 41)	320.000
		Ngã ba nhà ông Trục (Thửa 9; TBĐ số 116)	Ngã ba nhà ông Nguyễn Văn Lại (Thửa 52; TBĐ số 41)	250.000
		Ngã ba quán ông Dương Thụ (Thửa 8; TBĐ số 113)	Ngã ba thửa đất hộ ông Trục (Thửa 65; TBĐ số 114)	500.000
		Cầu ông Quốc (Thửa 16; TBĐ số 22)	Ngã tư thửa đất hộ ông Trương Văn Lại (Thửa 67; TBĐ số 41)	250.000
		Ngã ba trạm biến áp thôn 7 (Thửa 19; TBĐ số 85)	C ống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 4; TBĐ số 91)	320.000
		Cống thoát nước giữa thôn 7, thôn 14 (Thửa 60; TBĐ số 84)	Hội trường thôn 14 (199; TBĐ số 71)	250.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
5	Đường khu dân cư thôn 1, thôn 2, thôn 10	Đầu ranh giới nhà ông Hồ Trọng Nhân (Thửa 127; TBĐ số 100)	Đầu ranh giới nhà ông Châu Văn Trung (Thửa 12; TBĐ số 99)	250.000
		Ngã ba thửa đất ông Lê Quang Thêu (thôn 1) - thửa 51. TBĐ số 100	Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBĐ số 106	650.000
		Cổng chào thôn 1 (Đỉnh Tiến Đông - thửa 14; TBĐ số 100)	Đập thủy lợi thôn 1 (Nguyễn Bá Ngọc - thửa 65; TBĐ số 100)	650.000
		Đập thủy lợi thôn 1 (Thửa 64; TBĐ số 100)	Giáp địa giới hành chính TT. Ea Drăng (Thửa 11; TBĐ số 101)	550.000
		Ngã ba thửa đất nhà ông Đinh Minh Phú (Thửa 24; TBĐ số 100)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Hữu Thanh (Thửa 97; TBĐ số 100)	550.000
		Ngã ba thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Mão (Thửa 39; TBĐ số 100)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cường (Thửa 32; TBĐ số 107)	550.000
		Cổng chào thôn 10 (Thửa 1; TBĐ số 99)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Trần Thị Thanh Mai (Thửa 45; TBĐ số 107)	650.000
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Văn Hiền (Thửa 9; TBĐ số 99)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Công Hoàng (Thửa 66; TBĐ số 106)	500.000
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Cảnh (Thửa 15; TBĐ số 99)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Lịch (Thửa 73; TBĐ số 106)	500.000
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Hữu Tích (Thửa 48; TBĐ số 99)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tấn (Thửa 52; TBĐ số 106)	550.000
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Lê Quang Vĩnh (Thửa 21; TBĐ số 106)	Ngã ba thửa đất ông Phạm Bá Được (thôn 2) - thửa 60; TBĐ số 106	730.000
		Ngã ba từ thửa đất nhà ông Vũ Văn Thúc (Thửa 16; TBĐ số 105)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Lan (Thửa 39; TBĐ số 105)	700.000
		Ngã tư thửa đất nhà ông Thái Đức Long (Thửa 6; TBĐ số 107)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Tuấn (Thửa 64; TBĐ số 106)	500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Đầu ranh giới thửa đất ông Trần Huyền Vân (Thửa 70; TBĐ số 106)	Hết ranh giới thửa đất ông Võ Văn Tư (Thửa 8; TBĐ số 107)	600.000
		Đầu ranh giới thửa đất bà Hồ Thị Tuyết Mai (Thửa 18; TBĐ số 101)	Ngã 3 thửa đất ông Hồ Văn Bình (Thửa 22; TBĐ số 108)	700.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Trần Đình Thắng (Thửa 11; TBĐ số 108)	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Đăng (Thửa 221; TBĐ số 101)	700.000
		Cuối ranh giới thửa đất ông Nguyễn Văn Doanh (Thửa 33; TBĐ số 108)	Giáp địa giới hành chính thị trấn Ea Đăng (Thửa 17; TBĐ số 108)	700.000
6	Đường vào Nghĩa địa thị trấn	Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 2; TBĐ số 119	Nghĩa địa thị trấn (Thửa 11; TBĐ số 56)	600.000
		Nghĩa địa thị trấn (Thửa 15; TBĐ số 56)	Hết đường (Thửa 17; TBĐ số 56)	500.000
7	Đường vào Thủy điện thị trấn	Đầu đường (Quốc lộ 14) - Thửa 16; TBĐ số 118	Hết thửa đất Nguyễn Thị Giỏi (Thửa 3; TBĐ số 118)	350.000
		Hết thửa đất Nguyễn Thị Giỏi (Thửa 4; TBĐ số 118)	Hết đường (Thửa 1; TBĐ số 45)	300.000
8	Đường đi bãi rác thị trấn	Giáp địa giới hành chính TT Ea Đăng	Bãi rác	500.000
9	Đường song song Quốc lộ 14 (Khu đất phân lô Thôn 4)			600.000
10	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đã bê tông hóa, nhựa hóa			250.000
11	Đường hiện trạng $\geq 3,5\text{m}$ đường đất, cấp phối			200.000
12	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			160.000
13	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			120.000
IX	Xã Dliê Yang			
1	Tỉnh lộ 15	Giáp địa giới thị trấn Ea Đăng (Hai bên đường)	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (Thửa 10; TBĐ số 146) phía Bắc đường và Hết ranh giới thửa 34; TBĐ số 46 phía Nam đường	1.400.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Uy Huân (Thửa 10; TĐĐ số 146) phía Bắc đường và hết ranh giới thửa 34; TĐĐ số 46 phía Nam đường	Nút giao với đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng	1.100.000
		Nút giao với đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng	Giáp ngã ba đi thôn 1	420.000
		Ngã ba đi thôn 1	Giáp ngã tư (Hết Thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TĐĐ số 135)	620.000
		Giáp ngã tư (Hết thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TĐĐ số 135)	Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa 35; TĐĐ số 126)	750.000
		Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Hết vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa 35; TĐĐ số 126)	Giáp địa giới xã Ea sol	620.000
2	Đường giao thông Dliê Yang - Ea Hiao	Ngã ba Ea Sol - Ea Hiao (Vườn nhà ông Hoàng Thanh Lợi, thửa 35; TĐĐ số 126)	Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Nghệ - Thửa 9; TĐĐ số 127)	420.000
		Ngã ba (Giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Nghệ - Thửa 9; TĐĐ số 127)	Giáp địa giới xã Ea Hiao	380.000
3	Đường giao thông nông thôn	Ngã ba Tỉnh lộ 15 (Hướng buôn Sek)	Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - Thửa 26; TĐĐ số 139)	620.000
		Ngã ba (Hết thửa đất nhà ông Lê Ba - Thửa 26; TĐĐ số 139)	Cầu buôn Sek	480.000
		Cầu buôn Sek	Hết đất nhà ông Ađrong Y Plô (Thửa 43; TĐĐ số 130)	420.000
		Hết đất nhà ông Ađrong Y Plô (Thửa 43; TĐĐ số 130)	Ngã tư tỉnh lộ 15 (Thửa đất nhà ông Ksor Ykít, thửa 3; TĐĐ số 135)	280.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba tỉnh lộ 15 (Thửa đất nhà ông Đặng Xuân Vinh, thửa 62; TĐĐ số 147)	Ngã tư (Vườn nhà ông Tâm, thửa 63; TĐĐ số 150)	350.000
		Ngã ba nhà ông Trần Minh Tiến (Thửa 16; TĐĐ số 124)	Hết đất nhà ông Nguyễn Quang Tiến (Thửa 77; TĐĐ số 126)	350.000
4	Đường nội bộ trong khu dân cư Trường Chinh			250.000
5	Tỉnh lộ 14B	Ngã ba trường THCS Y Jut	Hết rẫy ông Lưu Chí Công (Thửa 36; TĐĐ số 46)	250.000
		Hết rẫy ông Lưu Chí Công (Thửa 36; TĐĐ số 46)	Ranh giới hành chính thôn 5 (Hết rẫy ông Võ Hồng Sơn, thửa 41; TĐĐ số 57)	200.000
		Từ đất ông Huỳnh Trần Chúng (Thửa 15; TĐĐ số 107)	Hết đất nhà ông Nguyễn Văn Thìn (Thửa 33; TĐĐ số 109)	220.000
6	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đã được bê tông hoá, nhựa hóa			180.000
7	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ đường đất, đường cấp phối			150.000
8	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			110.000
9	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			100.000
X	Xã Ea Tір			
1	Đường liên xã	Cầu Cây Sung (Thửa 10; TĐĐ số 12)	Cầu Cây Đa (Thửa 58; TĐĐ số 17)	240.000
2	Đường liên thôn	Hết ranh giới thửa đất hộ Cung Phụng (Thửa 4; TĐĐ số 8)	Ranh giới thửa đất hộ ông Mão thôn 2 (Thửa 22; TĐĐ số 5)	180.000
3	Đường liên xã	Cầu Cây Đa (Thửa 59; TĐĐ số 17)	Hộ Nhà Ông Lục (X=458050.43; Y=1449835.71)	240.000
4	Đường liên xã	Ngã Ba ông Lục (X=458039.42; Y=1449741.55)	Ngã Tư Trung tâm xã (X=455893.61, Y=1449603.00)	240.000
5	Đường liên thôn	Ngã Tư Trung tâm xã (X=455796.66; Y=1449569.19)	Trạm 18 (X=454207.75; Y=1448804.64)	240.000
6	Đường liên xã	Ngã Ba nhà ông Cẩm (Thửa 95; TĐĐ số 17)	Cổng Chào thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)	240.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
7	Đường liên xã	Cổng Chào thôn 4 (X=455894.27; Y=1449935.34)	Cầu suối Ea Rốc (Thửa 1; TBĐ số 20)	380.000
8	Đường liên xã	Cầu suối Ea Rốc (Thửa 1; TBĐ số 20)	Ngã ba trường tiểu học Ea Tір (Thửa 41; TBĐ số 29)	300.000
9	Đường liên xã	Ngã ba nhà ông Lục (X=458100.77; Y=1449745.77)	Ngã ba dự án (X=459501.02; Y=1449458.74), đường về Ea Nam	240.000
11	Đường Liên Huyện Ea H'leo - Cư M'Gar	Ngã ba dự án (X=459481.28; Y=1449372.93)	Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBĐ số 26)	180.000
		Hết buôn Tiêu A (Thửa 11; TBĐ số 26)	Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBĐ số 33)	240.000
		Ngã ba Bình Sơn (Thửa 51; TBĐ số 33)	Cầu suối Ea Súp (X=453899.62; Y=1444044.95)	180.000
12	Đường liên thôn	Ngã ba Bình Sơn (Thửa 50; TBĐ số 33)	Hết ranh giới nhà ông Ninh A Sắt (Thửa 1; TBĐ số 32)	150.000
13	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			120.000
14	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất, đường cấp phối)			110.000
15	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			100.000
16	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			90.000
XI	Xã Ea Nam			
1	Quốc lộ 14	Từ Trụ sở UBND xã Ea Nam (Hướng đi Thị trấn Ea Drăng)	Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà (Cây xăng ông Minh cũ)	4.000.000
		Hết ranh giới thửa đất cây xăng Hải Hà (Cây xăng ông Minh cũ)	Giáp địa giới xã Ea Khăl	1.500.000
		Từ Trụ sở UBND xã Ea Nam (Hướng đi BMT)	Nút giao với đường tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng	1.500.000
		Nút giao với đường tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng	Giáp địa giới xã Cư Né	1.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
2	Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Đông chợ)	Đầu đường (nhà ông Lê Đình Thám - thửa 38; TĐĐ số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TĐĐ số 119)	2.400.000
		Hết ranh giới thửa đất ở nhà bà Đinh Thị Tuyết (Thửa 103; TĐĐ số 119)	Hết Ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Long Bằng (Thửa 152; TĐĐ số 119)	2.000.000
3	Đường hai bên hông chợ Ea Nam (Đường phía Tây chợ)	Đầu đường nhà ông Đỗ Thị Tam (Thửa 39; TĐĐ số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TĐĐ số 119)	2.400.000
		Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Văn Thái (Thửa 96; TĐĐ số 119)	Hết ranh giới thửa đất ở ông Nguyễn Tri Mung (Thửa 111; TĐĐ số 119)	2.000.000
4	Đường phía sau chợ Ea Nam	Đầu đường (Đất nhà ông Lương Thiên Tâm - thửa 158; TĐĐ số 119)	Giáp đường vào buôn Riêng (Đất nhà ông Nguyễn Văn Sơn - thửa 66; TĐĐ số 119)	1.800.000
5	Đường đi thôn 2	Quốc lộ 14 (Thửa 159; TĐĐ số 119)	Đường đi Buôn Briêng (Hết thửa 37; TĐĐ số 56)	400.000
6	Đường phía sau Trụ sở UBND xã	Đầu đường giáp đường đi thôn 2	Đường đi thôn 2a	350.000
7	Đường đi thôn 3	Ngã ba Quốc lộ 14 đi thôn 3 (Hội trường thôn 3 - thửa 42; TĐĐ số 125)	Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TĐĐ số 116)	450.000
		Ngã tư đường rẽ vào trường Lê Duẩn (Hết thửa 33; TĐĐ số 116)	Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng (Thửa 35; TĐĐ số 115)	350.000
		Ngã tư đường Tránh Trung tâm thị trấn Ea Drăng (Hết Thửa 35; TĐĐ số 115)	Đập tràn	280.000
8	Đường đi buôn B'riêng	Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 31; TĐĐ số 119)	Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TĐĐ số 120)	1.200.000
		Hết ranh giới nhà Lê Ngọc Thủy (Thửa 129; TĐĐ số 120)	Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riêng A (Thửa 4; TĐĐ số 112)	500.000
		Ngã ba đường vào Hội trường Buôn Riêng A (Thửa 4; TĐĐ số 112)	Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TĐĐ số 108)	700.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Hết ranh giới Hội trường thôn 5 (Thửa 20; TBĐ số 108)	Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBĐ số 11)	300.000
9	Đường đi thôn Ea Sir	Quốc lộ 14 (Thửa 35; TBĐ số 57)	Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBĐ số 104)	280.000
		Hết ranh giới Hội trường thôn Ea Sir B (Thửa 84; TBĐ số 104)	Hết đường (Nhà ông Hồ Văn Sinh - Thửa 23; TBĐ số 32)	300.000
10	Đường đi thôn 7	Ngã ba Ea Wa (Thửa 43; TBĐ số 11)	Giáp thôn 9 xã Ea Khal (Thửa 7; TBĐ số 15)	350.000
		Ngã ba Ea Wa (Hướng buôn Druh) - Thửa 45; TBĐ số 11	Giáp ngã ba cây khế xã Ea Khal	300.000
11	Đường song song với Quốc lộ 14	Thửa đất nhà ông Nguyễn Lệnh Ninh - Thửa 8; TBĐ số 117 (Đường vào Buôn Druh)	Thửa đất nhà ông Phan Văn Năm - Thửa 26; TBĐ số 125	500.000
12	Đường Liên huyện Ea H'leo - Cư Mgar	Ngã ba Đường liên xã đi Ea Khal (Ngã 3 nông trường) - Thửa 7; TBĐ số 109	Hết địa giới hành chính xã Ea Nam (Thửa 9; TBĐ số 86)	200.000
	Đường vào buôn Druh	Ngã ba Quốc lộ 14 (Thửa 9; TBĐ số 117)	Hết đường (Giáp nghĩa địa cũ) - Thửa 55; TBĐ số 114	280.000
13	Đường song song với Quốc lộ 14 phía trước chợ Ea Nam	Đầu đường đối diện cây Xăng Hải Hà	Hết đường	400.000
14	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Bê tông hóa hoặc nhựa hóa)			180.000
15	Đường hiện trạng $\geq 3,5m$ (Đường đất hoặc cấp phối)			150.000
16	Các đường còn lại (Đã nhựa hóa, bê tông hóa)			120.000
17	Các đường còn lại (Đường đất, đường cấp phối)			110.000

Bảng số 7: Giá đất ở tại đô thị

ĐVT: Đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
I	Thị trấn Ea Drăng			
1	Ama Khê	Điện Biên Phủ	Trường Chinh	800.000
		Trường Chinh	Nguyễn Chí Thanh	1.000.000
		Nguyễn Chí Thanh	Giải Phóng	900.000
2	Điện Biên Phủ (TL 15)	Giải Phóng	Trần Phú (Ngã tư ngân hàng)	5.000.000
		Trần Phú (Ngã tư ngân hàng)	Nguyễn Trãi	7.000.000
		Bệnh viện Đa khoa Ea H'leo	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thửa 24; TBĐ số 42)	4.000.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Yên (Thửa 24; TBĐ số 42)	Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (Thửa 80; TBĐ số 42)	3.000.000
		Hết ranh giới đất nhà ông Đỗ Văn Minh (Thửa 80; TBĐ số 42)	Giáp địa giới xã Dliê Yang	2.200.000
3	Giải Phóng	Ngã ba đường vào nghĩa địa thị trấn	Ngã ba đường vào thủy điện	1.400.000
		Ngã ba đường vào thủy điện	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (Thửa 25; TBĐ số 26, Phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (Thửa 63; TBĐ số 26, Phía Tây đường)	1.400.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Năm (Thửa 25; TBĐ số 26, Phía Đông đường) và Trần Xuân Ba (Thửa 63; TBĐ số 26, Phía Tây đường)	Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lục, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)	2.200.000
		Ngã ba đường xuống hồ sinh thái (Ngã ba nhà ông Lục, phía Đông và đường hẻm đối diện Ngã ba, phía Tây đường)	Cầu Ea Khăl	2.700.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Cầu Ea Khăl	Nguyễn Văn Trỗi (Phía Tây đường)	3.300.000
		Cầu Ea Khăl	Trần Quốc Toản (Phía Đông đường)	3.300.000
		Nguyễn Văn Trỗi (Phía Tây đường)	Phan Chu Trinh (Phía Tây đường)	4.800.000
		Trần Quốc Toản (Phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thúy Đạt (Thửa 124; TBD số 39, Phía Đông đường)	4.800.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Nguyễn Thị Thúy Đạt (Thửa 124; TBD số 39, Phía Đông đường)	Lê Thị Hồng Gấm (Phía Đông đường)	7.500.000
		Phan Chu Trinh (Phía Tây đường)	Phạm Hồng Thái (Phía Tây đường)	7.500.000
		Lê Thị Hồng Gấm (Phía Đông đường)	Nguyễn Thị Minh Khai (Phía Đông đường)	12.500.000
		Phạm Hồng Thái (Phía Tây đường)	Hẻm Bình Tâm (Phía Tây đường)	12.500.000
		Nguyễn Thị Minh Khai (Phía Đông đường)	Lê Duẩn (Phía Đông đường)	8.500.000
		Hẻm Bình Tâm (Phía Tây đường)	Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phía Tây đường)	8.500.000
		Lê Duẩn (Phía Đông đường)	Điện Biên Phủ (Phía Đông đường)	7.800.000
		Xô Viết Nghệ Tĩnh (Phía Tây đường)	Ngô Gia Tự (Phía Tây đường)	7.800.000
		Điện Biên Phủ (Phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhơn (Thửa 45; TBD số 31, Phía Đông đường)	4.800.000
		Ngô Gia Tự (Phía Tây đường)	Đường vào Nghĩa địa thị trấn (Phía Tây đường)	4.800.000
		Đường vào Nghĩa địa thị trấn (Phía Tây đường) và Hết ranh giới thửa đất nhà bà Phạm Thị Nhơn (Thửa 45; TBD số 31, Phía Đông đường)	Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)	3.400.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
		Ngã ba (Trạm Khí tượng thủy văn)	Đường Ama Khê (Phía Đông đường) và đường hẻm (Phía Tây đường)	3.800.000
		Đường Ama Khê (Phía Đông đường) và đường hẻm (Phía Tây đường)	Giáp địa giới xã Ea Răl	3.400.000
4	Lê Duẩn	Giải Phóng	Quang Trung	2.700.000
5	Lê Thị Hồng Gấm	Giải Phóng	Trần Phú	5.500.000
6	Lý Tự Trọng	Điện Biên Phủ (Ngã tư ngân hàng)	Nơ Trang Long	3.400.000
		Nơ Trang Long	Nguyễn Chí Thanh	2.700.000
		Nguyễn Chí Thanh	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Thửa 1; TĐĐ số 32)	2.200.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Nguyễn Phi Long (Thửa 1; TĐĐ số 32)	Giải Phóng	2.000.000
7	Lý Thường Kiệt	Điện Biên Phủ	Quang Trung	4.600.000
8	Mạc Thị Bưởi	Giải Phóng	Nguyễn Chí Thanh	2.500.000
9	Ngô Gia Tự	Giải Phóng	Y Jút	2.500.000
		Y Jút	Đường hẻm (Hết ranh giới thửa 128 cũ phía Nam và thửa 112 phía Bắc; TĐĐ số 16 mới)	1.800.000
		Đường hẻm (Hết ranh giới thửa 128 cũ phía Nam và thửa 112 phía Bắc; TĐĐ số 16 mới)	Hết đường (Giáp đường vành đai phía Tây)	1.500.000
10	Nguyễn Chí Thanh	Nguyễn Thị Minh Khai	Nơ Trang Long	4.600.000
		Nơ Trang Long	Lý Tự Trọng	3.600.000
		Lý Tự Trọng	Ama Khê	2.000.000
11	Nguyễn Thị Minh Khai	Giải Phóng	Trần Phú	7.000.000
12	Nguyễn Trãi	Điện Biên Phủ	Hết đường	2.500.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
13	Nguyễn Văn Trỗi	Giải Phóng	Giáp địa giới xã Ea Khăl	1.600.000
14	Nguyễn Văn Cừ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phan Chu Trinh	2.600.000
		Phan Chu Trinh	Giáp địa giới xã Ea Khăl (Đường dây 500KV)	1.600.000
15	Nơ Trang Long	Giải Phóng	Trường Chinh	4.000.000
16	Phạm Hồng Thái	Giải Phóng	Nguyễn Văn Cừ	1.000.000
17	Phan Chu Trinh	Giải Phóng	Nguyễn Văn Cừ	1.800.000
18	Quang Trung	Nơ Trang Long	Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (Thửa đất nhà ông Tuấn)	4.000.000
		Ngã ba đường Lê Duẩn và Quang Trung (Thửa đất nhà ông Tuấn)	Trần Phú	3.200.000
		Trần Phú	Trần Quốc Toàn	2.000.000
19	Trần Phú	Điện Biên Phủ	Đường Chợ khu A - B (Thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa 21; TBĐ số 56)	8.500.000
		Đường Chợ khu A - B (Thửa đất nhà ông Đỗ Hồng Thái, thửa 21; TBĐ số 56)	Lê Thị Hồng Gấm	5.500.000
		Lê Thị Hồng Gấm	Giải Phóng	2.500.000
20	Trần Quốc Toàn	Điện Biên Phủ	Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (Thửa 59; TBĐ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ BD 40)	4.000.000
		Hết thửa đất hộ ông Nguyễn Thành (Thửa 59; TBĐ số 37 phía Bắc và hết ranh giới thửa đất 24, tờ BD 40)	Giải Phóng	4.500.000
21	Trường Chinh	Điện Biên Phủ	Nơ Trang Long	3.600.000
		Nơ Trang Long	Ama Khê	2.100.000
		Ama Khê	Hết đường	900.000
22	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Giải Phóng	Hết thửa đất Nhà máy mủ Công ty cao su Ea H'Leo	4.000.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
23	Y Jút	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hết đường	2.200.000
24	Đường xuống đập	Tỉnh lộ 15	Đập Ea Đrăng	3.000.000
25	Đường vào Ea Khăl	Nguyễn Văn Cừ	Giáp Nông trường cao su Ea Khal	2.000.000
26	Đường chợ thị trấn (Phân khu A, B)	Giải Phóng	Trần Phú	9.000.000
27	Đường đi bãi rác	Giải Phóng	Hết đường	1.200.000
28	Đường vào Nghĩa địa thị trấn	Giải Phóng	Hết đường	500.000
29	Đường vào Thủy điện thị trấn	Giải Phóng	Hết đường	400.000
30	Đường vành đai hồ Sinh Thái	Giải Phóng (Ngã ba nhà ông Lực)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi (Thửa 2, thửa 7; TBĐ số 23)	800.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi - Thửa 7; TBĐ số 23 (Phía Tây đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà nghỉ Hoàng Long (Phía Nam đường)	1.800.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trần Minh Lợi - Thửa 2; TBĐ số 23 (Phía Đông đường)	Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - Thửa 131; TBĐ số 20 (Phía Đông đường)	1.100.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà bà Doãn Thị Nga - Thửa 131; TBĐ số 20 (Phía Đông đường)	Đến đường hẻm (Phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long	1.500.000
		Hết ranh giới thửa đất nhà nghỉ Hoàng Long (Phía Nam đường) và đường hẻm (Phía Bắc đường), đối diện nhà nghỉ Hoàng Long	Giải Phóng (Ngã ba Trường TH Thuần Mẫn)	750.000
31	Đường đi Nhà máy nước sạch	Ngô Gia Tự (Ngã tư nhà ông Trần Văn Lễ - Thửa 144; TBĐ số 16)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Vũ Văn Thọ (Thửa 19; TBĐ số 16)	900.000
32	Đường vành đai phía Tây	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Ngô Gia Tự	1.600.000
		Ngô Gia Tự	Đường đi bãi rác	1.000.000
		Nút giao đường đi bãi rác huyện (Thửa đất nhà ông Bùi Văn Luận)	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Trương Tuấn Chính	800.000

STT	Tên đường	Đoạn đường		Mức giá
		Từ	Đến	
33	Đường vành đai phía Đông (TDP8 đi TDP9)	Lý Tự Trọng	Hết ranh giới thửa đất nhà ông Hoàng Ngọc Tuấn	750.000
34	Đường hiện trạng $\geq 3,5$ m đã nhựa hóa, bê tông			720.000
35	Đường hiện trạng $\geq 3,5$ m đã nhựa hóa, bê tông (Nhân dân tự đầu tư)			600.000
36	Đường hiện trạng $\geq 3,5$ m cấp phối, đất (Tính cho cả tuyến đường, tính chiều rộng đoạn nhỏ nhất)			480.000
37	Các đường còn lại	Đường đã nhựa hoặc bê tông hóa		420.000
		Đường đất, cấp phối		250.000